

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Ban án số: **03/2021/HNGĐ – ST**

Ngày: 12/01/2021

V/v “*Chia tài sản sau khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Phú

2. Ông Nguyễn Thành Vui

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lệ Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Đạt – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 581/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019, về việc “*Chia tài sản sau khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2020/QĐXXST - DS ngày 21 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Khắc T**, sinh năm: 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Yên, sinh năm 1952 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, ấp Thanh Tuấn, xã Thanh Lương, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

- Ông **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1959 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 4 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào năm 2019, bà Thúy và ông Nguyễn Khắc T thuận tình ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh công nhận theo quyết định số: 34/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2019. Theo quyết định trên thì vợ chồng bà tự nguyện thỏa thuận về tài sản chung sau khi ly hôn. Tuy nhiên, sau khi ly hôn các bên không tự thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung.

Tài sản chung của bà và ông Nguyễn Khắc T gồm có:

- 01 thửa đất diện tích 9.887,4m² tọa lạc Tổ 3, ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Trên đất có các tài sản sau: 398 cây cao su; 01 căn nhà loại 8 + mái hiên; 01 căn nhà tạm loại 2; 01 chuồng trại tạm; 01 cây ổi; 02 cây mận; 01 cây mít; 01 cây măng cầu.

Nguồn gốc đất do vợ chồng bà mua vào năm 2003 của người tên là Lâm Lâu, mua với giá 4.000.000 đồng, khi mua có viết giấy tay (do ông Nguyễn Văn G viết). Sau đó vợ chồng làm nhà ở và đến khoảng năm 2008 thì trồng cây cao su. Năm 2019 vợ chồng bà ly hôn thì bà về bên nhà mẹ bà để sinh sống, còn ông Toàn vẫn ở trên đất và canh tác cho đến nay. Đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do gia đình chưa có điều kiện để làm.

- Các tài sản trên đất của ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Th (bố mẹ của bà Thúy), tọa lạc Tổ 2, ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, gồm có: 237 nọc tiêu đang cho thu hoạch (nọc sống), trong đó có 90 nọc tiêu trồng năm 2008, 140 nọc tiêu trồng năm 2016; 02 giếng khoan, mỗi giếng sâu 50m; hệ thống tưới tiêu; 01 máy bơm hỏa tiễn; dây kẽm dăng kín toàn bộ nọc tiêu; chòi gỗ, lợp tôn; hệ thống điện; 49 cây chanh; 13 cây bưởi. Vì các tài sản trên được tạo lập nhờ trên đất của bố mẹ nên nguyện vọng của bà là được chia các tài sản này.

Nay bà đồng ý chia các tài sản chung nêu trên. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án bà yêu cầu chia đôi phần diện tích 9.887,4m² đất tọa lạc Tổ 3, ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Nay bà đồng ý giao lại toàn bộ phần diện tích đất và căn nhà trên đất cũng như các tài sản khác trên thửa đất này cho ông Toàn sử dụng và sở hữu. Bên nào nhận tài sản có giá trị cao hơn thì phải hoàn trả lại phần chênh lệch cho bên kia.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn - ông Nguyễn Khắc T trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của bà Thúy về việc vào năm 2019 bà Thúy và ông Nguyễn Khắc T thuận tình ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh công nhận theo quyết định số: 34/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2019. Theo quyết định trên thì vợ chồng bà tự nguyện thỏa thuận về tài sản chung sau khi ly hôn. Tuy nhiên, sau khi ly hôn các bên không tự thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung.

Về tài sản gồm có:

- 01 thửa đất diện tích 9.887,4m² tọa lạc Tổ 3, ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Trên đất có các tài sản sau: 398 cây cao su; 01 căn nhà loại

8 + mái hiên; 01 căn nhà tạm loại 2; 01 chuồng trại tạm; 01 cây ổi; 02 cây mận; 01 cây mít; 01 cây măng cầu.

Nguồn gốc đất là do ông mua vào năm 2004 của người tên Lâm Lâu, mua với giá 4.500.000 đồng, mua đất thông qua sự giới thiệu của bố vợ là ông Nguyễn Văn G và khi mua đất có viết giấy tay do ông Nguyễn Văn G viết, tuy nhiên giấy tờ mua bán đất nay đã mất. Nguồn tiền để mua đất là tiền của bố mẹ ông cho (bố mẹ ông cho 10.500.000 đồng) và ông bán đất riêng của ông được 4.500.000 đồng. Khi mua là đất rừng chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi mua đất thì vợ con bệnh nên được nhà nước cấp cho căn nhà tình thương trên đất để ở. Việc bố mẹ ông cho số tiền 10.500.000 đồng, bà Thúy có ký vào giấy di chúc do bố mẹ cho và chính bà Thúy là người nhận số tiền trên để ông về mua đất. Vì vậy, ông xác định đây là tài sản riêng của ông nên ông không đồng ý chia quyền sử dụng đất này. Ông chỉ đồng ý chia các tài sản trên đất.

- Các tài sản trên đất của ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Th (bố mẹ của bà Thúy) gồm có: 237 nọc tiêu đang cho thu hoạch (nọc sống), trong đó có 90 nọc tiêu trồng năm 2008, 140 nọc tiêu trồng năm 2016; 02 giếng khoan, mỗi giếng sâu 50m; hệ thống tưới tiêu; 01 máy bơm hỏa tiễn; dây kẽm dăng kín toàn bộ nọc tiêu; chòi gỗ, lợp tôn; hệ thống điện; 49 cây chanh; 13 cây bưởi. Vì các tài sản trên được tạo lập nhờ trên đất của bố mẹ của bà Thúy nên nguyện vọng của ông là được chia giá trị bằng tiền.

* *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – ông Nguyễn Văn Yên trình bày:* Nguồn gốc thửa đất hiện nay bà Thúy yêu cầu chia là của vợ chồng ông cho ông Toàn là 10.500.000 đồng, bà Thúy có ký vào việc ông Toàn nhận tiền và bà Thúy cũng cùng nhận số tiền này để về mua đất và anh Toàn bán thêm một thửa đất khác với giá 4.500.000 đồng, số tiền này vợ chồng Thúy Toàn nhận để về mua đất hiện nay anh Toàn đang ở. Mua đất là năm 2004, đến năm 2006 mới trả đủ tiền.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn G trình bày:

Vợ chồng ông có cho con gái (Nguyễn Thị T) và con rể (Nguyễn Khắc T) mượn đất ở Tổ 2, ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước để canh tác sản xuất. Các tài sản mà Thúy và Toàn tạo lập trên đất vợ chồng ông cho mượn như tại biên bản định giá tài sản mà Hội đồng định giá tài sản đã xác lập vào ngày 12/11/2020. Nay bà Thúy và ông Toàn yêu cầu chia tài sản thì ông không có ý hay yêu cầu gì.

Ông xác định: Nguồn gốc đất mà Thúy và Toàn đang trồng cây cao su trên đất (đất mà bà Thúy yêu cầu phân chia) là do ông giới thiệu để bà Thúy và ông Toàn mua của ông Lâm Lâu, khi mua chính ông là người viết giấy dùm cho hai bên, ông Toàn và ông Lâu có ký tên vào giấy và ông cũng ký tên vào giấy với tư cách là người làm chứng (Giấy mà ông đã nộp cho Tòa án).

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Th trình bày: Vợ chồng bà có cho con gái và con rể mượn đất để canh tác sản xuất, cụ thể là cho mượn đất để trồng tiêu, trên toàn bộ phần đất vợ chồng bà cho mượn thì vợ chồng Thúy, Toàn có trồng tiêu, khoan giếng để tưới tiêu, dựng cọc và các vật dụng như nội dung biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/6/2020.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội thẩm nhân dân tuân thủ quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia tài sản của bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Khắc T, cụ thể:

+ Bà Thúy được quyền sử dụng và sở hữu các tài sản tọa lạc trên thửa đất của ông Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn G (thuộc Tổ 2, ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau: 237 nóc tiêu đang cho thu hoạch (nóc sống), trong đó có 90 nóc tiêu trồng năm 2008, 140 nóc tiêu trồng năm 2016; 02 giếng khoan, mỗi giếng sâu 50m; hệ thống tưới tiêu; 01 máy bơm hỏa tiễn; dây kẽm dăng kín toàn bộ nóc tiêu; chòi gỗ, lợp tôn; hệ thống điện; 49 cây chanh; 13 cây bưởi.

+ Ông Toàn được quyền sử dụng và sở hữu các tài sản sau: Quyền sử dụng đất diện tích 9.887,4m² tọa lạc Tổ 3, ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước (Đất có vị trí, hình thể và số liệu như Mảnh trích đo địa chính số 930-2020 ngày 09/11/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lộc Ninh. Các tài sản có trên đất phần đất trên, gồm: 398 cây cao su; 01 căn nhà loại 8 + mái hiên; 01 căn nhà tạm loại 2; 01 chuồng trại tạm; 01 cây ổi; 02 cây mận; 01 cây mít; 01 cây măng cầu.

+ Do giá trị tài sản ông Toàn được nhận nhiều hơn giá trị tài sản bà Thúy được nhận, nên ông Toàn phải có nghĩa vụ hoàn trả giá trị chênh lệch cho bà Thúy.

- Về án phí và các chi phí tố tụng: Các bên phải chịu theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị T nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn với bị đơn - ông Nguyễn Khắc T, yêu cầu của bà Nguyễn Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do ông Nguyễn Khắc T hiện đang cư trú tại ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước giải quyết là đúng quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Thúy và ông Toàn có đóng góp, tạo lập được khối tài sản chung như sau:

- Các tài sản trên thửa đất diện tích 9.887,4m² tọa lạc Tổ 3, ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, gồm: 398 cây cao su; 01 căn nhà loại 8 + mái hiên; 01 căn nhà tạm loại 2; 01 chuồng trại tạm; 01 cây ổi; 02 cây mận; 01 cây mít; 01 cây măng cầu.

- Các tài sản trên đất của ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Th (bố mẹ của bà Thúy) gồm có: 237 nọc tiêu đang cho thu hoạch (nọc sống), trong đó có 90 nọc tiêu trồng năm 2008, 140 nọc tiêu trồng năm 2016; 02 giếng khoan, mỗi giếng sâu 50m; hệ thống tưới tiêu; 01 máy bơm hỏa tiễn; dây kẽm dăng kín toàn bộ nọc tiêu; chòi gỗ, lợp tôn; hệ thống điện; 49 cây chanh; 13 cây bưởi.

Vì vậy, yêu cầu chia tài sản trên của nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ

Đối với tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 9.887,4m² tọa lạc tại tổ 3, ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Toàn xác định đây là tài sản riêng của ông vì nguồn tiền để mua đất là do cha mẹ cho và do ông bán đất riêng của ông. Lờ trình bày trên là không có căn cứ, bởi lẽ: Tài sản trên được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Thúy và ông Toàn; Bà Thúy khẳng định đây là tài chung của vợ chồng; Suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Toàn không đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh đây là tài sản riêng của mình. Vì vậy, xác định đây là tài sản chung của vợ chồng nên yêu cầu phân chia quyền sử dụng đất trên của nguyên đơn là có căn cứ.

Xét nguyện vọng của các bên, căn cứ người đang trực tiếp quản lý và sử dụng tài sản trên đất cũng như nơi hình thành tài sản, cần phân chia các tài sản trên như sau:

- Bà Thúy được quyền sử dụng và sở hữu các tài sản tọa lạc trên thửa đất của ông Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn G (thuộc Tổ 2, ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước), cụ thể như sau: 237 nọc tiêu đang cho thu hoạch (nọc sống), trong đó có 90 nọc tiêu trồng năm 2008, 140 nọc tiêu trồng năm 2016; 02 giếng khoan, mỗi giếng sâu 50m; hệ thống tưới tiêu; 01 máy bơm hỏa tiễn; dây kẽm dăng kín toàn bộ nọc tiêu; chòi gỗ, lợp tôn; hệ thống điện; 49 cây chanh; 13 cây bưởi.

- Ông Toàn được quyền sử dụng và sở hữu các tài sản sau: Quyền sử dụng đất diện tích 9.887,4m² tọa lạc Tổ 3, ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước (Đất có vị trí, hình thể và số liệu như Mảnh trích đo địa chính số 930-2020 ngày 09/11/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lộc Ninh). Các tài sản có trên đất phần đất trên, gồm: 398 cây cao su; 01 căn nhà loại 8 + mái hiên; 01 căn nhà tạm loại 2; 01 chuồng trại tạm; 01 cây ổi; 02 cây mận; 01 cây mít; 01 cây măng cầu.

Ông Toàn có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật

Tổng giá trị tài sản các bên yêu cầu và được Tòa án xem xét phân chia có giá trị là 917.688.000 đồng, trong đó: Tổng tài sản bà Thúy được nhận có giá trị là 126.756.000 đồng, ông Toàn nhận tổng tài sản có giá trị là 790.932.500 đồng

Giá trị tài sản ông Toàn được nhận nhiều hơn giá trị tài sản bà Thúy được nhận là 664.176.500 đồng. Vì vậy, ông Toàn phải có nghĩa vụ hoàn trả giá trị chênh lệch là 332.088.250 đồng.

[3] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là 4.000.000 đồng. Số tiền này bà Thúy đã thanh toán xong.

Căn cứ Điều 157 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự thì mỗi bên đương sự phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí trên. Vì vậy, ông Toàn phải hoàn trả cho bà Thúy số tiền 2.000.000 đồng

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Toàn phải chịu án phí đối với $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung được xem xét phân chia với số tiền án phí là: 22.353.770 đồng

- Bà Thúy phải chịu án phí đối với $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung được xem xét phân chia với số tiền án phí là: 22.353.770 đồng

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 29, 33, 39, 35, 37, 38, 59, 61, 62, 51, 55, 57 Luật hôn nhân và gia đình.

- Các Điều 39, 213, 219 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn, cụ thể như sau:

- Bà Thúy được quyền sử dụng và sở hữu các tài sản tọa lạc trên thửa đất của ông Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Văn G (thuộc Tổ 2, ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau: 237 nọc tiêu đang cho thu hoạch (nọc sống), trong đó có 90 nọc tiêu trồng năm 2008, 140 nọc tiêu trồng năm 2016; 02 giếng khoan, mỗi giếng sâu 50m; hệ thống tưới tiêu; 01 máy bơm hỏa tiễn; dây kẽm dăng kín toàn bộ nọc tiêu; chòi gỗ, lợp tôn; hệ thống điện; 49 cây chanh; 13 cây bưởi.

- Ông Toàn được quyền sử dụng và sở hữu các tài sản sau: Quyền sử dụng đất diện tích 9.887,4m² tọa lạc Tổ 3, ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước (Đất có vị trí, hình thể và số liệu như Mảnh trích đo địa chính số 930-2020 ngày 09/11/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lộc Ninh. Các tài sản có trên đất phần đất trên, gồm: 398 cây cao su; 01 căn nhà loại 8 + mái hiên; 01 căn nhà tạm loại 2; 01 chuồng trại tạm; 01 cây ổi; 02 cây mận; 01 cây mít; 01 cây măng cầu.

Ông Nguyễn Khắc T có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2/ Về nghĩa vụ hoàn trả giá trị tài sản chênh lệch và chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Khắc T hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 332.088.250 đồng (chênh lệch khi phân chia tài sản) và số tiền chi phí tố tụng là 2.000.000 đồng. Tổng cộng ông Nguyễn Khắc T phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền 334.088.250

đồng (Ba trăm ba mươi bốn triệu không trăm tám mươi tám ngàn hai trăm năm mươi ngàn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền trên thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 22.353.770 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Thúy đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0000671 ngày 16/12/2019. Sau khi khấu trừ, bà Thúy phải chịu án phí là 17.353.770 đồng (Mười bảy triệu ba trăm năm mươi ba ngàn bảy trăm bảy mươi đồng)

Ông Toàn phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 22.353.770 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Thúy đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0000827 ngày 24/02/201. Sau khi khấu trừ, ông Toàn phải chịu án phí là 20.678.770 đồng (Mười bảy triệu ba trăm năm mươi ba ngàn bảy trăm bảy mươi đồng)

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

“Trong trường hợp bản án được thi hành quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Minh

